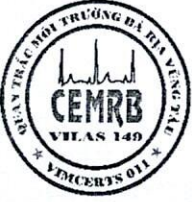


	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.18/TTQT 0085</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 04/03/2024 Trang (Page): 01/03</p>

1. Tên mẫu : Nước thải nhiễm dầu sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí có tọa độ X: 1155449; Y: 441117.
Sample Name Waste water contaminated with oil after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Coordinate X: 1155449 & Y: 441117.
2. Ngày nhận mẫu : 23/02/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Suspended solids	mg/l TCVN 6625:2000	22
2. BOD ₅ (20°C)* Biochemical Oxygen Demand	mg/l TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* Chemical Oxygen Demand	mg/l SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* Total Iron	mg/l US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2023	2,28
5. Chì (Pb) Lead	mg/l US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
6. Kẽm (Zn)* Zinc	mg/l US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B : 2023	0,269
7. Thủy ngân (Hg) Mercury	mg/l US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0009)
8. Asen (As) Arsenic	mg/l US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
9. Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	mg/l Tk: TCVN 6658:2000 SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium VI	mg/l TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B24.18/TTQT 0085</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 04/03/2024 Trang (Page): 02/03</p>

11. Tổng Nitơ (T-N)* <i>Nitrogen total</i>	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) <i>Sulfur</i>	mg/l	SMEWW 4500S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (<0,09)
14. Độ màu <i>Colour</i>	mg/l Pt	TCVN 6185:2015	12
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	mg/l	SMEWW 4500-F- B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	mg/l	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng* <i>Mineral oil</i>	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (<1,00)
19. Tổng phot pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	mg/l	TCVN 6202:2008	0,11
20. pH		TCVN 6492 : 2011	6,6
21. Đồng (Cu)* <i>Copper</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
22. Cadimi (Cd) <i>Cadmium</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
23. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	MPN/100ml	SMEWW 9223B:2023	230
24. Mangan (Mn)* <i>Manganese</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	0,140
25. Niken (Ni)* <i>Nickel</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
26. Cyanua (CN ⁻) <i>Cyanide</i>	mg/l	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>		
<p>B24.18/TTQT 0085</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 04/03/2024 Trang (Page): 03/03</p>	

27. Nhiệt độ <i>Temperature</i>	°C	SMEWW 2550B : 2023	31,1
------------------------------------	----	--------------------	------

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h30/ *Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 11h30.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): *Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.*

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1322/TTQTTNMT – DVTV ngày 26/01/2024/ *Sample is collected according to contract C-1322 / TTQTTNMT – DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

Lê Tuấn Kiệt